

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ - ST.

Ngày: 21 - 5 - 2019.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Biện Công Năng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Út.

2. Ông Nguyễn Thành Đông.

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân- Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 43/2019/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị Hồng C, sinh năm 1984; HKTT: Ấp Tân T, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng (Địa chỉ liên hệ: Công ty TNHH SOLUNA, đường số 4, KDC NT3, Giai đoạn N, Nhơn T, Đồng Nai. Có mặt.

2/ *Bị đơn:* Anh Tổng Phước C, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp Tân T, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2019 cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Chị Mai Thị Hồng C trình bày như sau:

Chị C và anh C tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 21/5/2013. Sau khi cưới, vợ chồng Chị Chung sống hạnh phúc và có 02 con chung tên Tổng Thị Thảo N, sinh ngày 27/01/2003 và Tổng Nhã K, sinh ngày 04/5/2012 hiện đang sống chung với anh C, cách đây hơn 02 năm vợ chồng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã nhau do anh C ghen tuông vô cớ, chửi bới, đánh đập chị và còn nhiều lần dùng dao đe dọa giết chị, dẫn đến

hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C và đồng ý giao 02 con chung cho anh C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Tống Phước C vắng mặt, có lời trình bày theo biên bản lấy lời khai ngày 05/4/2019:

Anh C và Chị C cưới nhau vào năm 2000, đến ngày 21/5/2013 được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Tân cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh chung sống hạnh phúc và có hai con chung như Chị C trình bày, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, Chị C bỏ nhà đi cho đến nay để lại 02 con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, hiện tại thì anh không còn tình cảm với Chị C, hôn nhân không hàn gắn được, anh C đồng ý ly hôn và đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu Chị C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu việc kiểm sát và quan điểm giải quyết như sau:

Toà án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, thu thập đầy đủ chứng cứ; Về việc tuân thủ pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua xem xét hồ sơ vụ án thì hôn nhân giữa Chị C và anh C là hợp pháp, quá trình chung sống Chị C cho rằng có mâu thuẫn, anh C thường xuyên đánh đập và đã ly thân 02 năm nên Chị C yêu cầu ly hôn là có cơ sở để chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Về con chung Chị C đồng ý giao 02 con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng do anh C có điều kiện tốt hơn, phù hợp với yêu cầu của anh C tại biên bản ghi lời khai ngày 05/4/2019, cháu K cũng có nguyện vọng được sống với anh C, còn cháu N thì Tòa án không lấy được lời khai về nguyện vọng của cháu nhưng xét thấy khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn Chị C bỏ đi, hai cháu sống chung với cha và được anh C chăm sóc tốt nên cần thiết giao hai con cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng; Về việc cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về án phí buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Chị Mai Thị Hồng C khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn Anh Tống Phước C. Tòa án đã thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Bị đơn anh Tống Phước C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định giải quyết vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Chị Mai Thị Hồng C với bị đơn Anh Tống Phước C tự nguyện kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 21/5/2013 là hôn nhân

hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã nhau do anh C ghen tuông vô cớ, chửi bới, đánh đập, nhiều lần dùng dao đe dọa giết chị nên chị bỏ đi và vợ chồng ly thân nhau 02 năm nay dẫn đến hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Bị đơn Anh Tống Phước C có lời trình bày ngày 05/4/2019, anh đồng ý ly hôn với Chị C do cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn. Việc Chị C yêu cầu ly hôn là phù hợp theo Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị C và anh C có 02 con chung tên Tống Thị Thảo N, sinh ngày 27/01/2003 và Tống Nhã K, sinh ngày 04/5/2012. Tại phiên tòa Chị C đồng ý giao con và phù hợp theo yêu cầu của anh C tại biên bản lấy lời khai ngày 05/4/2019, cháu K có nguyện vọng được sống với Cha, còn cháu N hiện nay đi làm thuê ở thành phố Hồ Chí Minh không có lời trình bày. Xét thấy, khi vợ chồng Chị C và anh C ly thân nhau 02 cháu sống chung với anh C ổn định về vật chất, tinh thần và điều kiện đi học nên cần giao cháu N và cháu K cho anh C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về việc cấp dưỡng nuôi con do Chị C và anh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị C và anh C thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét.

[5] Từ những phân tích nêu trên cho thấy yêu cầu của nguyên đơn và quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tiền án phí sơ thẩm: Nguyên đơn Chị Mai Thị Hồng C phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Chị Mai Thị Hồng C.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị Hồng C được ly hôn với Anh Tống Phước C.

Về con chung: Giao hai con chung tên Tổng Thị Thảo N, sinh ngày 27/01/2003 và tên Tổng Nhã K, sinh ngày 04/5/2012 cho Anh Tổng Phước C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị Mai Thị Hồng C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Mai Thị Hồng C và Anh Tổng Phước C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Mai Thị Hồng C và Anh Tổng Phước C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn Chị Mai Thị Hồng C phải chịu án, Chị C được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0008093 ngày 08/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Chị C đã nộp đủ án phí.

Bị đơn Anh Tổng Phước C không phải nộp án phí.

Án dân sự sơ thẩm được xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Biện công Năng